Phụ lục 58
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ GIANG THÀNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1, 2, 8, 14, 17, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 19 Phụ lục 58 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL58 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	1	Quốc lộ N1		
		- Từ giáp ranh phường Tô Châu đến hết ranh ấp Giồng Kè cũ (điểm giáp ranh ấp Tân Tiến cũ)	780	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ giáp ranh phường Tô Châu đến Cầu Trà Phô)
		- Từ ranh Giồng Kè cũ đến hết cầu kênh HT1	840	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ấp Tân Tiến đến Kênh HT1)
		- Từ cầu kênh HT1 đến ranh xã Vĩnh Điều	1.176	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ kênh HT1 đến xã Vĩnh Điều)
2	2	Đường kênh Nông Trường		

TT	Số TT PL58 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
		- Từ giáp ranh Phường Tô Châu đến giáp ranh cụm dân cư Tà Teng	370	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ giáp ranh xã Vĩnh Điều đến cụm dân cư Tà Teng)
		- Từ giáp ranh cụm dân cư Tà Teng đến giáp ranh xã Vĩnh Điều	370	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ranh phường Tô Châu đến giáp ranh kênh Kiên Tài)
3		- Đường Đầm Chít – Tân Khánh Hòa: Từ Cầu chữ Y Đầm Chích đến cống ngăn mặn Hòa Khánh	540	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ Cống ngăn mặn (ấp Hòa Khánh) đến Cầu chữ Y Đầm Chích)
4		- Đường cửa khẩu: Từ Cống ngăn mặn (ấp Hòa Khánh) đến cầu Giang Thành	720	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ Cống ngăn mặn (ấp Hòa Khánh) đến cầu Giang Thành)
5		Từ cống ngăn mặn đến Trường tiểu học Hòa Khánh	420	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ Trung tâm xã đến Trường Tiểu học ở Hoà Khánh)
6	8	Đường HT1: Từ mét 60 đến giáp ranh xã Vĩnh Điều	400	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường HT1: Từ mét 60 đến kênh Nông Trường)
7	14	Cụm dân cư Hòa Khánh	528	Sửa tên đường (Tên cũ: Cụm dân cư Trung tâm (xã Tân Khánh Hoà))
8	17	Cụm dân cư Phú Mỹ	858	Sửa tên đường (Tên cũ: Cụm dân cư Trung tâm Phú Mỹ)
9	20	Đường Cả Ngay - Rạch Gỗ	230	Sửa tên đường (Tên cũ: Tuyến dân cư Rạch Giỗ (xã Phú Lợi))

TT	Số TT PL58 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
10	21	Đường sông Giang Thành (tuyến đường vành đai biên giới)	300	Sửa tên đường (Tên cũ: Lộ ven sông Giang Thành: Từ ranh phường Hà Tiên đến cống Ngăn Mặn (ấp Hòa Khánh))
11	22	Đường kênh chùa Tà Teng	250	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh chùa Tà Teng: Từ Trụ sở ấp Tà Teng đến kênh Nông Trường)
12	23	Đường Cửa Khẩu: Từ cửa Khẩu đến kênh Tân Khánh Hòa	400	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Cửa Khẩu: Từ của Khẩu đến kênh Tân Hòa Khánh)
13	24	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	304	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
14	25	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	172	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1		Đường Trà Phô - Tà Teng (Bờ Tây)	385	Bổ sung
2		Tuyến dân cư Nam Vĩnh Tế	234	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			
1	25	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	172	

TT	Số TT PL58 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
2	26	Các tuyến đường còn lại		Huỷ bỏ